

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 431/2025/DS-PT

Ngày: 07-8-2025

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Nam;

2. Ông Trần Thanh Tòng.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh Tây Ninh), bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 379/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); có mặt.

Bị đơn:

+ Chị Phan Thị M, sinh năm 1991; vắng mặt;

+ Anh Trần Minh P, sinh năm 1986; vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện hợp pháp của chị M: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975, cư trú tại: Khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); theo Văn bản ủy quyền ngày 25-11-2024; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19-11-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị có bán hàng hóa là quần áo, giày dép, túi xách cho chị Phan Thị M nhiều lần khoảng 03 – 04 năm, không lập thành văn bản. Phương thức thỏa thuận giá mua bán, cách thức, thời gian thanh toán qua tin nhắn Messenger. Ngày 21-6-2024, các bên thống nhất tổng kết nợ số tiền 98.000.000 đồng nhưng chị M không tính số tiền 6.500.000 đồng mua hàng ngày 09-6-2024. Thực tế chị M còn nợ chị số tiền 104.500.000 đồng. Sau đó chị M đã trả được 10.000.000 đồng, còn nợ 94.500.000 đồng.

Ngày 04-02-2024, chị M vay số tiền 60.000.000 đồng, có viết giấy nợ nhưng đã bị mất. Hình thức chuyển khoản số tiền 35.000.000 đồng, giao tiền mặt 25.000.000 đồng, thời gian vay 01 tháng, lãi suất 02%/tháng, mục đích vay mua bán mì, anh P không trực tiếp nhận tiền. Chị M trả tiền lãi nhiều lần tổng số tiền 6.000.000 đồng.

Việc mua bán, vay tài sản không có tài liệu, chứng cứ nhưng các bên có nhắn tin qua ứng dụng Facebook Messenger đã được lập Vi bằng, sao kê ngân hàng. Nay chị yêu cầu chị M, anh P có nghĩa vụ trả số tiền nợ mua bán 94.500.000 đồng, tiền nợ vay 60.000.000 đồng, tổng cộng 154.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mua bán 4.000.000 đồng.

Bị đơn chị Phan Thị M, người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Chị thừa nhận việc mua bán với chị G nhiều lần, đã thanh toán nhưng không nhớ thời gian, số tiền. Ngày 21-6-2024, các bên nhắn tin qua Facebook Messenger tổng kết số tiền mua bán còn nợ là 102.000.000 đồng – 4.000.000 đồng = 98.000.000 đồng. Sau đó chị đã trả cho chị G 02 lần tổng cộng 14.000.000 đồng, còn nợ 84.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận bằng lời nói trả dần hàng tháng, không tính lãi, không quy định cụ thể số tiền phải trả. Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị G về việc trả tiền mua bán vì đến tháng 10/2024, hàng tháng chị vẫn trả nợ không vi phạm.

Chị thừa nhận ngày 04-02-2024 vay chị G số tiền 60.000.000 đồng, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lãi suất 10%/tháng, chị đã trả tiền lãi đều hàng tháng. Sau đó chị G làm mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị, hiện nay chị đang làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận. Chị đồng ý trả cho chị G số tiền vay 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi lại.

Chị không đồng ý yêu cầu anh Trần Minh P cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ vì anh P không biết việc mua bán, vay tài sản giữa chị và chị G.

Bị đơn anh Trần Minh P **trình bày:** Anh không biết việc vay tiền giữa chị M và chị G. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị G và yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị Phan Thị M, anh Trần Minh P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán tài sản 94.500.000 đồng, tiền nợ vay 60.000.000 đồng, tổng cộng 154.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị M đồng ý trả cho chị G số tiền tổng cộng 154.500.000 đồng, không tính lãi và không yêu cầu anh P cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 12-5-2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11), tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G đối với chị Phan Thị M, anh Trần Minh P về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc chị Phan Thị M, anh Trần Minh P có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị G số tiền vay 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, tiền mua bán tài sản 94.500.000 (chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, tổng cộng 154.500.000 (một trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị G không yêu cầu tính lãi.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G đối với chị Phan Thị M, anh Trần Minh P về việc yêu cầu trả số tiền mua bán tài sản 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 27-5-2025, chị Phan Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu khấu trừ số tiền chị M đã trả, xin trả dần và không buộc anh Trần Minh P có nghĩa vụ trả số tiền nợ này; vì đây là nợ cá nhân chị M.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn D là người đại diện hợp pháp cho chị Phan Thị M trình bày: chị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị M; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Phan Thị M, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu khấu trừ số tiền chị M đã trả, xin trả dần và không buộc anh Trần Minh P có nghĩa vụ trả số tiền nợ này; vì đây là nợ cá nhân chị M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Đối với hợp đồng mua bán hàng hoá: Chị Nguyễn Thị G và chị Phan Thị M đều xác định chị M nhiều lần mua quần áo, túi xách, giày dép của chị G từ khoảng năm 2020 - 2021. Tại biên bản đối chất, xác định đến ngày 21-6-2024 các bên tổng kết số tiền mua bán chị M còn nợ 98.000.000 đồng (bút lục 98).

Từ sau ngày 21-6-2024 đến nay, các bên không thống nhất được số tiền đã thanh toán, số tiền còn nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị G xác định từ ngày 21-6-2024 chị M ngưng trả nợ đến nay. Người đại diện hợp pháp của chị M xác định ngày 24-10-2024 các bên tổng kết nợ số tiền 98.000.000 đồng, chị M đồng ý trả số tiền 94.500.000 đồng nhưng không đồng ý trả một lần vì các bên thỏa thuận việc thanh toán trả dần hàng tháng. Nay chị M kháng cáo yêu cầu khấu trừ số tiền chị M đã trả cho chị G được số tiền 69.750.000 đồng; nhận thấy, bản sao kê số tài khoản 1006202099 tại Ngân hàng TMCP Q của chị M thể hiện: Từ ngày 01-01-2024 đến ngày 30-9-2024, chị M chuyển tiền đến số tài khoản 678900004 tại Ngân hàng TMCP Q và số tài khoản 050079321416 tại Ngân hàng TMCP S của chị G tổng số tiền 61.100.000 đồng. Đồng thời, chị G cũng có chuyển tiền đến số tài khoản này của chị M tổng số tiền 89.700.000 đồng (bút lục 76 đến 92) và theo chị G cho rằng số tiền này hai bên cho mượn tạm qua lại hằng ngày, đã tất toán xong và thống nhất chị M còn nợ chị G đến ngày 21-6-2024 là 98.000.000 đồng tiền nợ mua hàng hoá và 60.000.000 đồng tiền nợ vay. Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của chị G là có căn cứ, phù hợp với Biên bản đối chất, xác định đến ngày 21-6-2024 các bên tổng kết số tiền mua bán chị M còn nợ 98.000.000 đồng (bút lục 98) nên cần chấp nhận lời trình bày của chị G; vì căn cứ vào bản sao kê nêu trên thể hiện từ sau ngày 21-6-2024 đến nay chỉ thể hiện ngày 06-7-2024 chị G chuyển khoản cho chị M số tiền 2.500.000 đồng; đến ngày 08-7-2024 chị M chuyển trả cho chị G số tiền 2.500.000 đồng này và sau ngày này các bên không còn chuyển khoản hay giao dịch nào khác, chị M cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh sau ngày 21-6-2024 chị M đã trả nợ thêm cho chị G số tiền nào khác; nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị M.

2.2. Đối với hợp đồng vay tài sản: Bị đơn chị M xác định có vay của chị G số tiền 60.000.000 đồng, nhưng không thoả thuận thời hạn trả nợ và chị G không báo trước nên chị yêu cầu được trả dần số tiền này, nhưng không được chị G

đồng ý; sau đó, chị G đòi nợ nhưng chị M không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ nên cấp sơ thẩm buộc trả nợ vay là có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của chị M.

2.3. Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Nguyễn Thị G kháng cáo yêu cầu không buộc anh Trần Minh P có trách nhiệm trả số tiền nợ này cho chị G; vì đây là nợ cá nhân chị M; nhận thấy, anh P, chị M là vợ chồng hợp pháp; mục đích mua tài sản để sử dụng, vay tiền này kinh doanh mua bán nông sản, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Sau khi xét xử sơ thẩm anh P không kháng cáo; theo bản sao kê thể hiện anh P có thực hiện giao dịch chuyển khoản cho chị G để thanh toán nợ (bút lục 92b, 92c), nên cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 25, 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc anh P có trách nhiệm liên đới cùng chị M trả nợ cho chị G là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị M; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên chị M phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị M;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 28/2025/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh Tây Ninh).

Căn cứ các điều 430, 433, 440, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; các điều 25, 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G đối với chị Phan Thị M, anh Trần Minh P về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc chị Phan Thị M có trách nhiệm liên đới cùng anh Trần Minh P có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị G số tiền vay 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, tiền mua bán tài sản 94.500.000 (chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng; tổng cộng 154.500.000 (một trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị G không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G đối với chị Phan Thị M, anh Trần Minh P về việc yêu cầu trả số tiền mua bán tài sản 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị M, anh Trần Minh P phải chịu 7.725.000 (bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị G 3.963.000 (ba triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005373 ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phan Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002351 ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

5 Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 11, tỉnh Tây Ninh;
- THADS Khu vực 11, tỉnh Tây Ninh;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn